

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Nguyễn Văn H**;

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chị **Nguyễn Thị Đ**;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Đ là thật sự tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia Đình.

[2] Về con chung: Anh H và chị Đ thống nhất có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013, đang sống chung với anh H. Hai người tự thỏa thuận và thống nhất giao cháu T cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Xét

thấy, sự thỏa thuận này của anh, chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị Đ thỏa thuận cùng chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh, chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002411 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy anh, chị đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung:

- + Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Đ thống nhất giao con tên là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 (mười tám) tuổi.

- + Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- + Chị Nguyễn Thị Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Đ đồng ý cùng chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002411 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy anh, chị đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND TT. H, huyện M,
tỉnh Sóc Trăng.
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Lâm